

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 29-11-2021.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Cao Hoài Hiem.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị B, sinh năm 1975- Vắng mặt có đơn xin.

Bị đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1973- Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Cùng địa chỉ: Khu phố BN, phường GB, thị xã TB, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị B trình bày: Chị và anh L chung sống từ năm 1993, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Sau khi về ở chung vợ chồng sống cùng gia đình bên chồng tại khu phố Bình Nguyên I, phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 1994, vợ chồng cất nhà ra riêng trên đất của cha mẹ chồng cho tại Khu phố BN, phường GB, thị xã TB, tỉnh TN sống đến nay. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau và anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng lại cho rằng chị không chung thủy. Cha mẹ hai bên không có hòa giải

cho vợ chồng lần nào. Do mâu thuẫn quá lớn nên chị dọn ra ngoài sống từ đầu năm 2020 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung tên Trần B, sinh ngày 24-02-1999, Trần C, sinh ngày 12-10-2004, hiện nay cháu B đã trưởng thành, có công việc làm; cháu C đang sống cùng anh L. Sau khi ly hôn, cháu B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu C thì tùy theo nguyện vọng của cháu theo ai người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trần Thanh L đã được Tòa án: Tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B với anh L.

- Về con chung: Cháu Trần B, sinh ngày 24-02-1999 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Trần C, sinh ngày 12-10-2004 cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị B và anh L chung sống với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm, dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã nhau. Hai người đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị B, anh L không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014. Nay chị B yêu cầu ly hôn, áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh L.

[3] Về con chung: Cháu Trần B, sinh ngày 24-02-1999 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Cháu Trần C, sinh ngày 12-10-2004. Xét thấy hiện nay cháu C đang sống với anh L, qua làm việc cháu C có nguyện vọng được sống cùng cha và chị B cũng đồng ý giao con cho anh L nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Thị B và anh Trần Thanh L.

2. Về con chung:

- Cháu Trần B, sinh ngày 24-02-1999 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Trần C, sinh ngày 12-10-2004 cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

- Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị B đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015127 ngày 05-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (chị B đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Chị B, anh L được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy